

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2020/HSST**

Ngày : 26/10/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trọng Tỳ & Ông Đinh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sura, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Sáu, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 24/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 09/10/2020, đối với:

- Bị cáo: Hồ Thị T (tên gọi khác: Cô Bốn), sinh năm 1971 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: thôn T, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ngọc M (đã chết) và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1943; chồng Trần Bình Th, sinh năm 1955 (đã ly hôn); có ba con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Trần Bình Th, sinh năm 1955; nơi cư trú: thôn T, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Đặng Quang Tr, sinh ngày 27/7/2003;

+ Nguyễn Thị A, sinh năm 1943;

Đồng trú: thôn T1, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa T và Trần Bình Th nên khoảng tháng 5/2020, T bỏ về tại thôn T1, xã S1, huyện S thuê nhà để ở. Khoảng 19 giờ ngày 12/7/2020, T bảo Đặng Quang Tr là con riêng của mình chở T về nhà Trần Bình Th tại thôn T, xã S1, huyện S để nói chuyện với Th. Khi vào nhà T thấy Th đang ngủ nên nảy sinh ý định trộm tiền của Th. T lén lút lấy 01 ví da màu đen đang để ở đầu giường, bên trong có 39.339.000đ và một số giấy tờ tùy thân của Th rồi đem về nhà ở thôn T1, xã S1 cất giấu.

Kết luận định giá tài sản: 01 ví da màu đen trị giá 60.000đ.

Vật chứng: Tạm giữ và trả lại cho bị hại Trần Bình Th số tiền 39.339.000đ, 01 giấy đăng ký xe số 0014950; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ATM và 02 tấm nhựa bằng mê ka.

Dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 17/CT-VKS-SH ngày 22/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên đã truy tố Hồ Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hồ Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của VKSND huyện S đã truy tố và khẳng định không bị oan, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Trần Bình Th có đơn miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Dân sự: Không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Kiểm sát viên tiến hành tố tụng tại phiên tòa sau khi phân tích mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Thị T mức án từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

+ Dân sự: Bị hại không yêu cầu gì, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

+ Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại thống nhất theo luận tội và không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm không bổ sung gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Bị cáo Hồ Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 12/7/2020, tại nhà Trần Bình Th thuộc thôn T, xã S1, huyện S, Hồ Thị T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 ví da đang để ở đầu giường, bên trong có 39.339.000đ và một số giấy tờ tùy thân của Thuận rồi đem về nhà cất giấu. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Tháp là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo không những đã xâm hại đến tài sản riêng của bị hại trái pháp luật mà còn gây mất an ninh, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nên phải xử bị cáo mức án nghiêm nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, xét sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự nguyện hoàn trả lại tài sản cho bị hại, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Ngoài ra, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự, tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo nhất thời phạm tội, là lao động chính trong gia đình phải nuôi con chưa thành niên và mẹ già. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, h, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt tương xứng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền

sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo không có vi phạm pháp luật nào khác. Nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục tốt.

[5] Dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Vật chứng: Những vật chứng đã trả cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa không ai có ý kiến gì nên không xét.

[7] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị T (tên gọi khác: Cô Bốn) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, h, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Thị T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách **02 (hai) năm**, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp, bị cáo Hồ Thị T thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người bị kết án Hồ Thị T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người bị kết án T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Hồ Thị T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (01);
- VKSND tỉnh Phú Yên (01);
- CQTHAHS huyện S (01);
- CQCSĐT huyện S (01)
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- THADS huyện S (01);
- Lưu Ấn văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Văn Trinh